

TỔNG CÔNG TY
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ

Số: 542 /TNB

V/v công bố thông tin báo cáo tài chính giữa niên
độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng đầu
năm 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Cần Thơ, ngày 13 tháng 08 năm 2021

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên đơn vị: Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ.
2. Mã chứng khoán: PSW.
3. Trụ sở chính: 151/18 Trần Hoàng Na, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.
4. Điện thoại: (0292) 3765 080; Fax: (0292) 3765 078
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Lê Thanh Tùng**.
Địa chỉ: 151/18 Trần Hoàng Na, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ. Điện thoại: (0292) 3765 079 Fax: (0292) 3765 078.
6. Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ
(Công ty đánh dấu X vào mục cần công bố).
7. Nội dung công bố thông tin:
 - 7.1. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2021 của Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ được lập ngày 10/08/2021 gồm: Báo cáo của Ban Giám đốc, Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ, BCĐKT, BCKQHĐKD, BCLCTT và Thuyết minh báo cáo Tài chính.
 - 7.2. Các nội dung giải trình:

Lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2021 tăng so với cùng kỳ năm 2020 là 289,88% do các nguyên nhân sau:

 - Trong 06 tháng đầu năm 2021, thị trường kinh doanh phân bón chuyển biến tích cực, dẫn đến biên lợi nhuận gộp 06 tháng đầu năm 2021 tăng 84,37% so với cùng kỳ năm 2020.
 - Đồng thời, doanh thu hoạt động tài chính cũng tăng 38,54% so với 06 tháng năm trước.”
8. Địa chỉ Website : <http://www.psw.vn>. đăng tải toàn bộ nội dung công bố.
Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BGD Công ty;
- P.TCHC, P. TCKT, P.KD, BBTWebsite;
- Lưu: VT, PHN.

NGƯỜI ĐƯỢC UQCBT



Lê Thanh Tùng

Deloitte.



**DELOITTE
VIETNAM**

Making an impact since 1991

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ
HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ**
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ
151/18 Trần Hoàng Na, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 23

301
CÔ
T
ĐEL
TỆ
21

N: 1800
CỔ
C
PHÂN
CH
T
NINH K

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Quý Hiến	Chủ tịch
Ông Nguyễn Công Bằng	Ủy viên
Ông Chu Văn Hách	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021)
Ông Trịnh Văn Khiêm	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021)
Ông Lê Thanh Tùng	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021)
Ông Trần Tuấn Kiệt	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Công Bằng	Giám đốc
Ông Lê Thanh Tùng	Phó Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Mai Hồng Khánh	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Bùi Trịnh Văn Anh	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Phạm Thị Á Châu	Thành viên Ban Kiểm soát

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.


CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ
151/18 Trần Hoàng Na, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

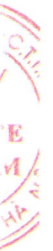
Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,




Nguyễn Công Bằng
Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2021
Thành phố Cần Thơ, Việt Nam



BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 8 năm 2021, từ trang 04 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

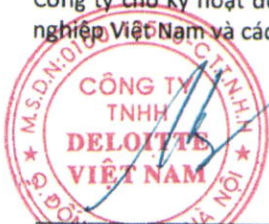
Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Hoàng Lan Hương
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0898-2018-001-1
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 10 tháng 8 năm 2021
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		315.921.895.851	217.088.605.709
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	79.829.148.047	124.677.224.390
1. Tiền	111		1.329.148.047	3.277.224.390
2. Các khoản tương đương tiền	112		78.500.000.000	121.400.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		20.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		20.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		132.368.861.883	50.868.483.735
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	9.136.403.772	50.713.183.050
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	111.270.598.500	104.550.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	11.961.859.611	50.750.685
IV. Hàng tồn kho	140	8	83.645.536.303	41.425.658.763
1. Hàng tồn kho	141		83.645.536.303	41.425.658.763
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		78.349.618	117.238.821
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	78.349.618	117.238.821
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		21.915.212.206	22.136.236.714
I. Tài sản cố định	220		21.214.631.236	21.256.141.378
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	5.957.548.037	5.941.276.888
- Nguyên giá	222		36.994.272.613	36.994.272.613
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.036.724.576)	(31.052.995.725)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	15.257.083.199	15.314.864.490
- Nguyên giá	228		15.649.117.425	15.649.117.425
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(392.034.226)	(334.252.935)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		17.421.000	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		17.421.000	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		683.159.970	880.095.336
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	683.159.970	880.095.336
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		337.837.108.057	239.224.842.423

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		127.974.845.217	43.202.867.971
I. Nợ ngắn hạn	310		127.974.845.217	43.202.867.971
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	32.398.909.417	27.458.120.669
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	82.237.368.953	5.463.544.790
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	3.583.299.529	1.240.801.728
4. Phải trả người lao động	314		3.381.194.378	5.094.401.743
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	696.070.423	782.645.457
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	488.600.000	622.240.526
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.189.402.517	2.541.113.058
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		209.862.262.840	196.021.974.452
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	209.862.262.840	196.021.974.452
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		170.000.000.000	170.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411		170.000.000.000	170.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.928.985.693	18.928.985.693
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20.933.277.147	7.092.988.759
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		7.092.988.759	398.824.169
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		13.840.288.388	6.694.164.590
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		337.837.108.057	239.224.842.423

Zhe

Lê Thị Diễm Chi
 Người lập biểu

Nguyễn Thành Công
 Kế toán trưởng

Nguyễn Công Bằng
 Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	973.051.631.571	803.951.407.477
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	9.974.559.813	7.591.437.375
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		963.077.071.758	796.359.970.102
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	925.430.439.858	775.940.665.126
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		37.646.631.900	20.419.304.976
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	1.828.182.104	1.319.595.032
7. Chi phí tài chính	22		-	79.434.191
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	79.434.191
8. Chi phí bán hàng	25	23	10.441.869.445	9.356.933.009
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	8.979.628.958	7.548.521.378
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		20.053.315.601	4.754.011.430
11. Thu nhập khác	31		1.951.075.257	792.664.506
12. Chi phí khác	32		181.664.200	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.769.411.057	792.664.506
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		21.822.726.658	5.546.675.936
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	4.522.366.168	1.109.335.187
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		17.300.360.490	4.437.340.749
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	814	209

Zhe



Lê Thị Diễm Chi
Người lập biểu

Nguyễn Thành Công
Kế toán trưởng

Nguyễn Công Bằng
Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2021

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	21.822.726.658	5.546.675.936
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	02	859.667.467	860.329.294
Các khoản dự phòng	03	-	(1.070.669.087)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.646.339.429)	(1.319.595.032)
Chi phí lãi vay	06	-	79.434.191
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	20.036.054.696	4.096.175.302
Thay đổi các khoản phải thu	09	(81.251.801.435)	(19.819.550.691)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(42.219.877.540)	(49.343.494.633)
Thay đổi các khoản phải trả (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	79.877.724.752	15.580.300.043
Thay đổi chi phí trả trước	12	235.824.569	299.628.161
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(60.058.849)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.160.303.133)	(303.741.752)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(811.782.643)	(1.102.725.317)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(26.294.160.734)	(50.653.467.736)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(17.421.000)	(54.700.000)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(20.000.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	20.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.579.605.391	1.406.625.716
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(18.437.815.609)	21.351.925.716

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	22.100.000.000
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(116.100.000)	(105.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(116.100.000)	21.995.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(44.848.076.343)	(7.306.542.020)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	124.677.224.390	38.923.380.669
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	79.829.148.047	31.616.838.649

Zhe



Lê Thị Diễm Chi
Người lập biểu

Nguyễn Thành Công
Kế toán trưởng

Nguyễn Công Bằng
Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800722461 ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 11 ngày 03 tháng 9 năm 2020. Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ - được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800722461 ngày 31 tháng 12 năm 2010. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội ngày 30 tháng 6 năm 2015 với mã chứng khoán là "PSW".

Cổ đông chính của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty cổ phần ("Tổng Công ty").

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 56 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 60 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu phân bón;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hoá;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng xuất khẩu, nhập khẩu hoặc đại lý làm thủ tục hải quan);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Quảng cáo;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại phân bón.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

12
NG
NI
O
T
2A

0722
CÔNG T
CỔ PHẦN
PHÂN BÓN V
T DẦU
TÂY NAM
BỘ

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được và tuân thủ phương pháp hạch toán kế toán hàng tồn kho kê khai thường xuyên. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua hàng hóa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua hàng hóa, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang gồm các chi phí phát sinh liên quan các dịch vụ cung cấp chưa được hoàn thành và xác nhận tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 12
Máy móc thiết bị	6
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn Phòng	3 - 7

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị bản quyền phần mềm, phần mềm máy tính và quyền sử dụng đất vô thời hạn của kho Đồng Tháp và Tòa nhà Văn phòng tại số 151/18 đường Trần Hoàng Na, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn. Giá trị bản quyền phần mềm và phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 - 5 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí cải tạo văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

11/01/2024



Chi phí cải tạo văn phòng được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 3 năm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	163.877.097	289.482.879
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.165.270.950	2.987.741.511
Các khoản tương đương tiền (*)	78.500.000.000	121.400.000.000
	79.829.148.047	124.677.224.390

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 01 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,1% đến 3,2 %/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 với lãi suất từ 0,1%/năm đến 4%/năm).

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu Khí - CTCP	5.812.623.065	4.200.549.995
Công ty TNHH VTNN Hưng Thạnh	2.087.460.044	9.516.571.121
Doanh nghiệp Tư nhân Trần Thị Ngoan	-	2.287.780.000
Doanh nghiệp Tư nhân Kim Hoàng	-	8.306.282.500
Công ty TNHH Út Nữ	-	7.120.358.000
Công ty TNHH MTV Tường Dung An Giang	-	623.150.000
Công ty TNHH TM-DV-XNK Tường Nguyên	-	6.050.075.000
Doanh nghiệp Tư nhân Thu Dung	-	4.386.200.000
Doanh nghiệp tư nhân Việt Nga	-	3.208.000.000
Các khách hàng khác	1.236.320.663	5.014.216.434
	9.136.403.772	50.713.183.050
Trong đó		
Phải thu khách hàng các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 26)	6.600.443.728	4.859.256.597

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu Khí - CTCP	111.109.472.500	-
Công ty Cổ Phần Phân bón & Hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ	6.450.000	104.550.000
Các khoản trả trước cho người bán khác	154.676.000	-
	111.270.598.500	104.550.000
Trong đó		
Trả trước cho các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 26)	111.115.922.500	104.550.000

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu Khí - CTCP (*)	11.564.282.213	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	299.327.398	50.750.685
Tạm ứng cán bộ công nhân viên	98.250.000	-
	11.961.859.611	50.750.685
Trong đó		
Phải thu khác các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 26)	11.564.282.213	-

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty đã tạm trích khoản chiết khấu được nhận tương ứng với sản lượng tiêu thụ trong quý 1 và quý 2 năm 2021, được phê duyệt từ Tổng Công ty theo công văn số 577/PBHC-KD ngày 08 tháng 4 năm 2021 và công văn số 1194/PBHC-KD ngày 16 tháng 7 năm 2021.

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ, dụng cụ	1.055.672.870	-	31.296.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	323.953.441	-	-	-
Hàng hoá	82.265.909.992	-	41.394.362.763	-
	83.645.536.303	-	41.425.658.763	-

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn	78.349.618	117.238.821
	78.349.618	117.238.821
b. Dài hạn		
Chi phí cải tạo văn phòng	330.217.406	561.559.736
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	352.942.564	318.535.600
	683.159.970	880.095.336

01/02/2022
 DE VI VI
 1/02/2022



10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	25.815.691.083	128.128.000	3.103.973.530	7.946.480.000	36.994.272.613
Số dư cuối kỳ	25.815.691.083	128.128.000	3.103.973.530	7.946.480.000	36.994.272.613
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu kỳ	22.753.759.834	106.831.835	2.892.696.115	5.299.707.941	31.052.995.725
Trích khấu hao trong kỳ	337.476.137	10.589.574	67.492.084	386.328.381	801.886.176
Giảm khác	(818.157.325)	-	-	-	(818.157.325)
Số dư cuối kỳ	22.273.078.646	117.421.409	2.960.188.199	5.686.036.322	31.036.724.576
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu kỳ	3.061.931.249	21.296.165	211.277.415	2.646.772.059	5.941.276.888
Tại ngày cuối kỳ	3.542.612.437	10.706.591	143.785.331	2.260.443.678	5.957.548.037

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 với giá trị là 23.321.830.761 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 23.321.830.761 VND).

11. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu kỳ	15.014.545.425	198.400.000	436.172.000	15.649.117.425
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	15.014.545.425	198.400.000	436.172.000	15.649.117.425
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu kỳ	-	198.400.000	135.852.935	334.252.935
Trích khấu hao trong kỳ	-	-	57.781.291	57.781.291
Số dư cuối kỳ	-	198.400.000	193.634.226	392.034.226
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu kỳ	15.014.545.425	-	300.319.065	15.314.864.490
Tại ngày cuối kỳ	15.014.545.425	-	242.537.774	15.257.083.199

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 với giá trị là 198.400.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 198.400.000 đồng).

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	29.493.480.000	24.514.328.228
Các nhà cung cấp khác	2.905.429.417	2.943.792.441
	32.398.909.417	27.458.120.669
Trong đó		
Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 26)	29.687.630.000	24.514.328.228

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty TNHH VTNN Hưng Thạnh	19.334.313.879	792.219.600
Công ty TNHH Hữu Thành I	13.866.486.000	248.000.000
Doanh nghiệp Tư nhân Trần Thị Ngoan	10.355.452.625	1.221.400.000
Doanh nghiệp Tư nhân Việt Nga	8.969.810.750	178.500.000
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	6.927.500.000	-
Doanh nghiệp tư nhân Kim Hoàng	3.862.737.063	1.702.800.000
Công ty TNHH Út Nữ	925.113.875	1.087.703.370
Khác	17.995.954.761	232.921.820
	82.237.368.953	5.463.544.790
Trong đó		
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 26)	8.418.409.091	-

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	185.464.719	440.944.531	403.969.777	222.439.473
Thuế thu nhập doanh nghiệp	945.824.809	4.522.366.168	2.160.303.133	3.307.887.844
Thuế thu nhập cá nhân	109.512.200	721.514.741	778.054.729	52.972.212
Các loại thuế khác	-	8.472.303	8.472.303	-
Cộng	1.240.801.728	5.693.297.743	3.350.799.942	3.583.299.529

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Chi phí bốc xếp	240.369.313	615.910.457
Trích trước chi phí sử dụng nhãn hiệu tập đoàn	262.500.000	-
Các khoản trích trước khác	193.201.110	166.735.000
	696.070.423	782.645.457

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	488.600.000	604.700.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	17.540.526
	488.600.000	622.240.526

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020				
Số dư đầu kỳ	170.000.000.000	18.928.985.693	8.898.824.169	197.827.809.862
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	4.437.340.749	4.437.340.749
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(887.468.150)	(887.468.150)
Số dư cuối kỳ	170.000.000.000	18.928.985.693	12.448.696.768	201.377.682.461
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021				
Số dư đầu kỳ	170.000.000.000	18.928.985.693	7.092.988.759	196.021.974.452
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	17.300.360.490	17.300.360.490
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	(3.460.072.102)	(3.460.072.102)
Số dư cuối kỳ	170.000.000.000	18.928.985.693	20.933.277.147	209.862.262.840

(i) Theo Nghị Quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông số 11/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021, Công ty thực hiện tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2021 với số tiền là 3.460.072.102 đồng, tương ứng với 20% lợi nhuận sau thuế của kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09a-DN

Nghị quyết cũng đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2020 với số tiền 6.800.000.000 VND (tương ứng 400 đồng/cổ phần) từ lợi nhuận năm 2020. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty chưa thực hiện chi trả cổ tức.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) Cổ phiếu phổ thông	17.000.000	17.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) Cổ phiếu phổ thông	17.000.000	17.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ của Công ty

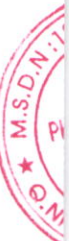
Vốn điều lệ của Công ty là 170.000.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ, như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp	
	VND	%	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-Công ty Cổ phần	127.500.000.000	75%	127.500.000.000	127.500.000.000
Các cổ đông khác	42.500.000.000	25%	42.500.000.000	42.500.000.000
	170.000.000.000	100%	170.000.000.000	170.000.000.000

18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày đều liên quan đến hoạt động kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 19 và số 20.

Trong kỳ, các sản phẩm phân bón của Công ty được tiêu thụ chủ yếu ở khu vực Tây Nam Bộ, Công ty không có hoạt động xuất khẩu và tiêu thụ ở các vùng khác tại Việt Nam, theo đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu URE Phú Mỹ	669.741.195.000	518.934.575.000
Doanh thu DAP Phú Mỹ	3.075.000.000	19.467.580.000
Doanh thu Kali Phú Mỹ	168.216.575.000	60.292.140.000
Doanh thu NPK Phú Mỹ	92.802.157.500	39.306.890.000
Doanh thu các loại phân bón khác	32.386.555.000	159.946.526.825
Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	6.830.149.071	6.003.695.652
	973.051.631.571	803.951.407.477
Chiết khấu thương mại	(9.974.559.813)	(7.591.437.375)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	963.077.071.758	796.359.970.102
Trong đó		
Doanh thu trong kỳ phát sinh với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 26)	8.190.596.208	5.987.642.792

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn URE Phú Mỹ	631.709.598.689	493.714.686.252
Giá vốn DAP Phú Mỹ	3.060.000.000	20.370.362.540
Giá vốn Kali Phú Mỹ	163.118.583.363	60.160.145.604
Giá vốn NPK Phú Mỹ	90.033.015.826	38.512.448.487
Giá vốn các loại phân bón khác	31.114.096.916	158.990.905.527
Giá vốn cung cấp dịch vụ và giá vốn khác	6.395.145.064	5.262.785.803
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1.070.669.087)
	925.430.439.858	775.940.665.126

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	242.007.217	383.062.956
Chi phí nhân công	12.226.993.573	8.882.330.052
Chi phí khấu hao tài sản cố định	859.667.467	860.329.294
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.311.628.705	10.180.234.696
Chi phí khác	2.891.990.534	3.496.492.268
	27.532.287.496	23.802.449.266

22. DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.828.182.104	1.319.595.032
	1.828.182.104	1.319.595.032

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên Liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	Đơn vị cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	Các đơn vị trong cùng tập đoàn
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương tại Thành phố Hồ Chí Minh	Các đơn vị trong cùng tập đoàn

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	6.303.341.249	4.825.361.512
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	1.572.500.000	-
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	314.754.959	1.162.281.280
	<u>8.190.596.208</u>	<u>5.987.642.792</u>
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	922.132.222.500	654.717.273.500
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	12.555.775.000	349.200.000
	<u>934.687.997.500</u>	<u>655.066.473.500</u>
Mua dịch vụ từ các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương tại Thành phố Hồ Chí Minh	277.200.000	317.350.000
	<u>277.200.000</u>	<u>317.350.000</u>
Nhận chiết khấu thương mại		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	11.564.282.213	13.940.554.325
	<u>11.564.282.213</u>	<u>13.940.554.325</u>
Nhận hàng khuyến mại		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.130.521.000	787.228.000
	<u>1.130.521.000</u>	<u>787.228.000</u>



Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, số dư với các bên liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	5.812.623.065	4.200.549.995
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	787.820.663	658.706.602
	<u>6.600.443.728</u>	<u>4.859.256.597</u>
Trả trước cho người bán		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	111.109.472.500	-
Công ty Cổ Phần Phân bón & Hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ	6.450.000	104.550.000
	<u>111.115.922.500</u>	<u>104.550.000</u>
Phải thu khác		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	11.564.282.213	-
	<u>11.564.282.213</u>	<u>-</u>
Phải trả người bán		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	29.493.480.000	24.514.328.228
Công ty Cổ Phần Phân bón & Hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ	154.550.000	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương tại Thành phố Hồ Chí Minh	39.600.000	-
	<u>29.687.630.000</u>	<u>24.514.328.228</u>
Người mua trả tiền trước		
Công ty Cổ Phần Phân bón & Hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ	6.927.500.000	-
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.490.909.091	-
	<u>8.418.409.091</u>	<u>-</u>
Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:		
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ông Phạm Quý Hiến - Chủ tịch HĐQT	652.489.588	602.681.807
Ông Trần Tuấn Kiệt - Ủy viên HĐQT	23.866.667	24.000.000
Ông Trịnh Văn Khiêm - Ủy viên HĐQT kiêm Giám Đốc	23.866.667	637.330.380
Ông Lê Thanh Tùng - Ủy viên HĐQT kiêm phó Giám Đốc	550.344.067	526.465.289
Ông Nguyễn Công Bằng - Ủy viên HĐQT kiêm Giám Đốc	552.790.907	490.278.258
	<u>1.803.357.896</u>	<u>2.280.755.734</u>



27. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo thông báo số 509/TN-TNB kí ngày 21 tháng 7 năm 2021 về thời gian đăng kí cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày 13 tháng 8 năm 2021 là giao dịch không hưởng quyền, ngày 16 tháng 8 năm 2021 là ngày đăng kí cuối cùng, ngày 06 tháng 9 năm 2021 là ngày Công ty tiến hành trả cổ tức bằng tiền mặt theo tỷ lệ 4%/cổ phiếu.

28. SỰ KIỆN KHÁC

Do ảnh hưởng trên diện rộng của những diễn biến dịch bệnh COVID-19, nhiều thách thức đã phát sinh cho tất cả các ngành kinh tế. Những thay đổi này có thể ảnh hưởng lớn đến hoạt động, lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Hiện tại, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã thận trọng theo dõi và đánh giá ảnh hưởng có thể có của vấn đề này đối với hoạt động của Công ty. Do đó, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cũng tin tưởng rằng COVID-19 không ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2021.

Lê Thị Diễm Chi
Người lập biểu

Nguyễn Thành Công
Kế toán trưởng



Nguyễn Công Bằng
Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2021

